

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 227/2017/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái.

* Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2017, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái.

* Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị H, xin được tự nguyện thuận tình ly hôn.

* Con chung: Hai bên xác nhận có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Ánh S sinh tháng 9/2012, cháu Nguyễn Tiến T sinh tháng 02/2014, cháu Nguyễn Quỳnh N sinh tháng 11/2015. Hai bên thoả thuận giao cháu Ánh S và cháu T cho anh T trực tiếp nuôi

đưỡng, giao cháu Quỳnh N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

* Tài sản chung: Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng đề nghị tòa án ghi nhận cho hai bên như sau.

- Giao cho anh Nguyễn Văn T quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản nhà, đất và các tài sản khác phục vụ sinh hoạt. Đất chưa có bìa đỏ (*Bìa đỏ đứng tên bố mẹ anh T*). Đồng thời anh T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng*).

- Giao cho chị Vũ Thị H được sử dụng 01 bộ bàn ghế salon (Gỗ pomu) và nhận tiền chênh lệch tài sản từ anh T thanh toán là 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng*).

Tính từ ngày Chị Vũ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn T chưa thanh toán song khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* Công nợ chung: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng.

* Án phí: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Văn T nhận chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04571 ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Nay anh được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND, THADS
- UBND xã V
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, TQĐ

THẨM PHÁN

Lý Quốc Tuấn

